

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP ĐH TỪ XA K15AB

1

TỔ CHỨC NGÀY 18 THÁNG 5 NĂM 2008 TẠI HÀ NỘI

Theo quyết định số:

/QĐ-ĐHHN ngày

tháng 06 năm 2008

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	TB	DN	DV	TBD	LTT	TBTK	KQ	XL	
1	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	28.09.86	Thanh Hoá	6.0	6.0	7.0	6.5	6.0	6.2	Đỗ	TBKhá
2	Nguyễn Trọng	Đạo	30.01.86	Hà Nội	5.7	6.0	5.5	5.8	5.0	5.5	Đỗ	Trung bình
3	Trần Thị Bình	An	01.10.84	Hà Nội	6.2	4.0	7.0	5.5	5.0	5.6	Đỗ	Trung bình
4	Nguyễn Phúc	An	18.02.84	Quảng Ninh	5.8	4.0	6.0	5.0	5.0	5.3	Đỗ	Trung bình
5	Nguyễn Thị Tường	An	26.06.82	Hung Yên	6.1	7.0	6.5	6.8	6.0	6.3	Đỗ	TBKhá
6	Nguyễn Quỳnh	Anh	26.12.85	Hà Nội	6.1	6.0	5.5	5.8	5.0	5.6	Đỗ	Trung bình
7	Nguyễn Thị Phương	Anh	02.12.84	Hà Nội	5.6	4.0	6.5	5.3	5.0	5.3	Đỗ	Trung bình
8	Vũ Ngọc	Anh	29.06.85	Hải Phòng	5.8	4.0	6.0	5.0	5.0	5.3	Đỗ	Trung bình
9	Phùng Thị	Anh	04.03.76	Hà Tĩnh	6.1	4.0	6.5	5.3	5.0	5.5	Đỗ	Trung bình
10	Nguyễn Thị Kim	Anh	18.06.84	Hà Nội	6.1	5.0	5.0	5.0	5.0	5.4	Đỗ	Trung bình
11	Ly	Chhay	19.07.84	Campuchia	5.6	5.0	5.0	5.0	5.0	5.2	Đỗ	Trung bình
12	Ngô Thị	Dung	24.02.83	Bắc Giang	5.9	5.0	5.5	5.3	6.0	5.7	Đỗ	Trung bình
13	Phan Thị	Dung	09.03.85	Hung Yên	6.3	6.0	6.5	6.3	7.0	6.5	Đỗ	TBKhá
14	Văn Lam	Giang	27.02.83	Hà Tĩnh	5.8	4.0	6.0	5.0	6.0	5.6	Đỗ	Trung bình
15	Đỗ Thị	Giang	10.09.83	Tuyên Quang	5.9	5.0	7.0	6.0	5.0	5.6	Đỗ	Trung bình
16	Nguyễn Hoàng	Giang	01.02.84	Quảng Ninh	5.8	5.0	5.0	5.0	5.0	5.3	Đỗ	Trung bình
17	Nguyễn Thị Thu	Giang	13.10.85	Hà Tây	5.7	5.0	5.0	5.0	5.0	5.2	Đỗ	Trung bình
18	Phạm Minh	Hàng	06.03.85	Hà Nội	6.3	5.0	5.5	5.3	5.0	5.5	Đỗ	Trung bình
19	Vũ Thị Việt	Hàng	28.09.86	Quảng Ninh	6.2	5.0	7.0	6.0	5.0	5.7	Đỗ	Trung bình
20	Lê Thị	Hương	08.11.86	Thanh Hoá	6.3	5.0	7.0	6.0	5.0	5.8	Đỗ	Trung bình
21	Nguyễn Vũ Quỳnh	Hương	08.12.85	Hà Nội	6.0	5.0	6.5	5.8	5.0	5.6	Đỗ	Trung bình
22	Phạm Thị Ngọc	Hà	04.08.86	Hà Nội	7.0	5.0	7.0	6.0	5.0	6.0	Đỗ	TBKhá
23	Mạc Hoàng	Hà	16.07.86	Hải Phòng	5.7	5.0	6.0	5.5	5.0	5.4	Đỗ	Trung bình
24	Nguyễn Thu	Hà	24.11.84	Hà Nội	5.7	6.0	8.0	7.0	5.0	5.9	Đỗ	Trung bình
25	Trần Thị Thu	Hà	05.01.85	Hà Nam	6.0	5.0	5.0	5.0	5.0	5.3	Đỗ	Trung bình
26	Nguyễn Văn	Hải	04.07.77	Nam Định	6.4	5.0	8.0	6.5	6.0	6.3	Đỗ	TBKhá
27	Nguyễn Hoàng	Hải	19.01.83	Hà Nội	5.6	5.0	5.0	5.0	5.0	5.2	Đỗ	Trung bình
28	Đỗ Hồng	Hải	22.10.77	Ninh Bình	5.8	5.0	5.5	5.3	6.0	5.7	Đỗ	Trung bình
29	Nguyễn Thị Vân	Hạnh	23.12.85	Hà Nội	6.1	5.0	6.5	5.8	5.0	5.6	Đỗ	Trung bình
30	Vũ Thị Hồng	Hạnh	07.05.83	Phú Thọ	6.1	5.0	7.0	6.0	6.0	6.0	Đỗ	TBKhá
31	Nguyễn Thu	Hiền	10.07.84	Nam Định	5.9	5.0	6.5	5.8	6.0	5.9	Đỗ	Trung bình
32	Nguyễn Thị	Hiếu	14.08.83	Hà Bắc	5.3	5.0	5.0	5.0	5.0	5.1	Đỗ	Trung bình
33	Nguyễn Thị Vương	Hoà	16.12.83	Hà Nội	5.6	5.0	5.0	5.0	6.0	5.5	Đỗ	Trung bình
34	Phan Viết	Hoàn	09.09.84	Nam Định	6.3	5.0	6.5	5.8	5.0	5.7	Đỗ	Trung bình
35	Đỗ Xuân	Hoàng	24.03.79	Hà Tây	6.5	5.0	6.0	5.5	7.0	6.3	Đỗ	TBKhá
36	Nguyễn Huy	Hoàng	21.12.85	Hà Nội	5.7	5.0	7.5	6.3	5.0	5.7	Đỗ	Trung bình
37	Ngô Thị Thanh	Hoa	12.11.85	Quảng Ninh	6.0	4.0	6.5	5.3	7.0	6.1	Đỗ	TBKhá
38	Lê Thu	Hoa	15.10.84	Hà Nội	6.0	5.0	6.5	5.8	6.0	5.9	Đỗ	Trung bình
39	Nguyễn Đình	Huấn	19.03.77	Hà Tây	5.8	5.0	6.0	5.5	5.0	5.4	Đỗ	Trung bình

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	TB	DN	DV	TBD	LTT	TBTK	KQ	XL	2
40	Nguyễn Thị Thu	Huyền	21.11.84	Hà Nội	6.1	5.0	7.5	6.3	6.0	6.1	Đỗ	TBKhá
41	Đỗ Quốc	Khánh	04.01.86	Hà Nội	6.0	5.0	6.0	5.5	5.0	5.5	Đỗ	Trung bình
42	Bandith	Khamkhosy	23.08.84	Lào	5.8	5.0	6.5	5.8	6.0	5.9	Đỗ	Trung bình
43	Hàn Trung	Kiên	12.12.78	Hà Tây	5.6	4.0	6.0	5.0	7.0	5.9	Đỗ	Trung bình
44	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	07.10.86	Hà Nội	6.0	5.0	7.0	6.0	6.0	6.0	Đỗ	TBKhá
45	Nguyễn Thị Hương	Lan	01.10.86	Thanh Hoá	6.0	4.0	6.5	5.3	7.0	6.1	Đỗ	TBKhá
46	Đào Thị Thuỳ	Linh	14.07.85	Hải Phòng	6.7	5.0	6.5	5.8	6.0	6.1	Đỗ	TBKhá
47	Nguyễn Hồng	Linh	25.09.84	Hà Nội	5.9	5.0	7.0	6.0	6.0	6.0	Đỗ	TBKhá
48	Phạm Thị Diệu	Linh	26.01.83	Hải Dương	6.6	7.5	7.5	7.5	8.0	7.4	Đỗ	Khá
49	Vũ Xuân	Linh	27.08.84	Hà Tây	5.6	4.0	7.0	5.5	5.0	5.4	Đỗ	Trung bình
50	Nguyễn Việt	Linh	27.09.85	Hà Nội	5.9	4.0	7.5	5.8	5.0	5.5	Đỗ	Trung bình
51	Phùng Thị Đa	Linh	22.10.83	Thanh Hoá	5.9	4.0	6.5	5.3	5.0	5.4	Đỗ	Trung bình
52	Lê Hoàng	Long	02.05.83	Hà Nội	6.0	5.0	6.0	5.5	5.0	5.5	Đỗ	Trung bình
53	Đỗ Viết	Long	10.11.82	Nam Định	6.3	5.0	6.5	5.8	5.0	5.7	Đỗ	Trung bình
54	Dương Hương	Ly	09.12.86	Hà Nội	6.0	4.0	7.0	5.5	5.0	5.5	Đỗ	Trung bình
55	Nguyễn Đức	Mạnh	26.10.85	Hà Nội	5.9	6.0	6.5	6.3	5.0	5.7	Đỗ	Trung bình
56	Nguyễn Thị Bích	Mận	07.04.84	Hà Nội	6.3	5.0	6.5	5.8	6.0	6.0	Đỗ	TBKhá
57	Đỗ Phương	My	19.12.86	Hà Nội	5.9	5.5	7.0	6.3	5.0	5.7	Đỗ	Trung bình
58	Phạm Minh	Ngọc	28.01.83	Thái Bình	5.5	5.0	7.0	6.0	5.0	5.5	Đỗ	Trung bình
59	Bùi Diễm	Ngọc	30.12.81	Hà Nội	5.8	5.5	7.0	6.3	5.0	5.7	Đỗ	Trung bình
60	Đinh Thị	Như	05.04.74	Hải Dương	5.6	7.0	6.0	6.5	5.0	5.7	Đỗ	Trung bình
61	Trần Thị Phương	Nhi	13.12.86	Hà Nội	5.9	5.5	6.5	6.0	5.0	5.6	Đỗ	Trung bình
62	Lê Thị	Nhị	29.06.84	Nam Định	5.7	5.0	6.0	5.5	5.0	5.4	Đỗ	Trung bình
63	Lương Tú	Oanh	25.02.86	Hà Nội	6.0	5.0	6.5	5.8	6.0	5.9	Đỗ	Trung bình
64	Ngô Kim	Oanh	21.03.85	Quảng Ninh	6.1	4.0	6.0	5.0	6.0	5.7	Đỗ	Trung bình
65	Lê Kim	Oanh	24.02.84	Hà Nội	6.4	6.5	7.5	7.0	6.0	6.5	Đỗ	TBKhá
66	Nguyễn Hồng	Phương	12.12.84	Hà Nội	6.0	4.0	6.0	5.0	5.0	5.3	Đỗ	Trung bình
67	Nguyễn Minh	Phương	07.11.83	Hà Nội	5.9	5.0	7.0	6.0	6.0	6.0	Đỗ	TBKhá
68	Phạm Thị	Phương	03.03.84	Thanh Hoá	6.3	5.0	6.5	5.8	7.0	6.3	Đỗ	TBKhá
69	Lê Anh	Phương	05.09.79	Phú Thọ	6.1	6.0	5.5	5.8	7.0	6.3	Đỗ	TBKhá
70	Phạm Thị Lan	Phương	24.12.84	Hà Nội	5.6	4.0	6.0	5.0	5.0	5.2	Đỗ	Trung bình
71	Lê Thanh	Phúc	15.04.86	Hải Dương	5.9	4.0	6.0	5.0	5.0	5.3	Đỗ	Trung bình
72	Nguyễn Đức	Phong	24.09.79	Bắc Giang	5.3	6.0	5.0	5.5	6.0	5.6	Đỗ	Trung bình
73	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	22.03.85	Lai Châu	6.0	6.5	5.5	6.0	6.0	6.0	Đỗ	TBKhá
74	Bùi Thu	Quỳnh	13.09.82	Hà Nội	6.0	7.0	6.5	6.8	5.0	5.9	Đỗ	Trung bình
75	Trịnh Mai	Quỳnh	21.05.83	Hà Nội	5.8	6.5	5.5	6.0	6.0	5.9	Đỗ	Trung bình
76	Nguyễn Đoàn	Quyết	10.02.85	Hà Nam	6.8	6.5	5.0	5.8	5.0	5.9	Đỗ	Trung bình
77	Bùi Tuấn	Sơn	28.11.84	Hà Nội	5.9	5.0	6.0	5.5	5.0	5.5	Đỗ	Trung bình
78	Nguyễn Thị Mai	Tâm	29.09.82	Hà Nội	6.0	4.0	6.0	5.0	5.5	5.5	Đỗ	Trung bình
79	Vũ Hữu	Thông	02.06.84	Hà Nội	6.5	6.0	6.5	6.3	5.0	5.9	Đỗ	Trung bình
80	Tào Thị Hương	Thơm	08.12.85	Yên Bái	5.8	5.0	6.0	5.5	5.0	5.4	Đỗ	Trung bình
81	Nguyễn Trung	Thành	31.05.84	Hà Tây	6.1	4.0	6.0	5.0	5.0	5.4	Đỗ	Trung bình
82	Đỗ Tư	Thành	19.07.82	Hà Nội	6.6	6.0	6.0	6.0	5.0	5.9	Đỗ	Trung bình

STT	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	TB	DN	DV	TBD	LTT	TBTK	KQ	XL ³
83	Nguyễn Thị Phương	Thảo	30.03.86	Hà Sơn Bình	5.7	5.0	6.0	5.5	5.0	5.4	Đỗ	Trung bình
84	Bùi Thị	Thảo	19.02.84	Hải Dương	6.5	5.0	5.5	5.3	5.0	5.6	Đỗ	Trung bình
85	Hà Thị	Thanh	03.01.74	Hà Nội	5.8	5.0	5.0	5.0	5.0	5.3	Đỗ	Trung bình
86	Hoàng Kim	Thanh	05.11.80	Hà Nội	5.7	5.0	6.5	5.8	5.0	5.5	Đỗ	Trung bình
87	Nguyễn Lệ	Thu	28.11.79	Hà Nội	6.8	6.0	6.0	6.0	5.0	5.9	Đỗ	Trung bình
88	Đỗ Hoài	Thu	05.01.86	Hà Nội	6.6	5.0	6.0	5.5	5.0	5.7	Đỗ	Trung bình
89	Lê Hoài	Thu	19.07.84	Hà Nội	6.0	5.5	6.0	5.8	6.0	5.9	Đỗ	Trung bình
90	Hoàng Thị Thanh	Thủy	17.03.81	Hà Nội	5.9	5.0	6.0	5.5	5.0	5.5	Đỗ	Trung bình
91	Chu Ngọc Khánh	Tùng	14.09.79	Hà Nội	5.9	4.0	6.5	5.3	5.0	5.4	Đỗ	Trung bình
92	Nguyễn Đức	Tú	03.04.81	Hà Nội	6.2	5.0	6.0	5.5	5.0	5.6	Đỗ	Trung bình
93	Vũ Ngọc	Trâm	30.06.85	Hà Nội	6.2	6.0	9.0	7.5	5.5	6.4	Đỗ	TBKhá
94	Lê Kiều	Trang	07.09.84	Hà Nội	5.7	4.0	6.0	5.0	5.0	5.2	Đỗ	Trung bình
95	Nguyễn Thị Thu	Trang	27.09.84	Hà Nội	5.7	4.0	6.5	5.3	5.0	5.3	Đỗ	Trung bình
96	Nguyễn Thu	Trang	19.02.84	Hà Nội	5.6	4.0	7.0	5.5	5.0	5.4	Đỗ	Trung bình
97	Mạc Đức	Trọng	10.01.71	Hà Nội	6.5	7.0	8.0	7.5	6.0	6.7	Đỗ	TBKhá
98	Nguyễn Văn	Triển	12.12.81	Hải Phòng	5.9	4.0	7.0	5.5	5.0	5.5	Đỗ	Trung bình
99	Vũ Thành	Trung	03.07.86	Hà Nội	5.6	5.0	7.0	6.0	5.5	5.7	Đỗ	Trung bình
100	Phan Anh	Tuấn	01.08.75	Quảng Bình	6.1	7.0	8.0	7.5	6.0	6.5	Đỗ	TBKhá
101	Nguyễn Đức	Tuấn	03.04.81	Hà Nội	5.9	6.0	7.0	6.5	6.0	6.1	Đỗ	TBKhá
102	Nguyễn Kim	Tuyến	12.01.82	Hà Nội	5.7	5.0	8.0	6.5	5.0	5.7	Đỗ	Trung bình
103	Hà Thị Tú	Uyên	12.06.84	Phú Thọ	6.4	5.0	7.0	6.0	5.5	6.0	Đỗ	TBKhá
104	Cao Tường	Vân	24.06.85	Thanh Hoá	6.2	4.0	6.5	5.3	6.0	5.8	Đỗ	Trung bình
105	Nguyễn Thị Thanh	Vân	20.12.83	Hà Nội	5.8	4.0	8.0	6.0	5.5	5.8	Đỗ	Trung bình
106	Đinh Thị Thanh	Vân	12.11.84	Ninh Bình	5.6	5.0	7.0	6.0	5.5	5.7	Đỗ	Trung bình
107	Trần Thị	Vân	15.08.80	Hà Tây	5.4	5.0	6.0	5.5	5.0	5.3	Đỗ	Trung bình
108	Nguyễn Thị Hiền	Vi	04.06.84	Bắc Ninh	6.3	5.0	7.0	6.0	6.0	6.1	Đỗ	TBKhá
109	Sann	Vichhenka	25.06.83	Cămpuchia	5.9	5.0	6.5	5.8	5.0	5.6	Đỗ	Trung bình
110	Ngô Quang	Vinh	29.10.77	Hà Nội	5.5	5.0	6.0	5.5	5.5	5.5	Đỗ	Trung bình
111	Đào Khắc	Việt	05.09.84	Hà Nội	6.1	5.0	7.0	6.0	5.5	5.9	Đỗ	Trung bình
112	Đoàn Minh	Vũ	08.10.85	Hà Nội	6.2	5.0	7.0	6.0	5.5	5.9	Đỗ	Trung bình

Tổng số: 112 thí sinh

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2008
HIỆU TRƯỞNG